TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày : 24-4-2025
V/v "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

2. Ông Cao Đình Nhân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thanh Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 593/2024/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về vụ việc: "*Tranh chấp về ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST - HNGĐ Ngày 06 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 60/2025/QĐST - HNGĐ Ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà D, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Số 10, đường P, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông T, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Số 10, đường P, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà D có mặt. Ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 18/5/2020. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống ở huyện Đ. Thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm, tình cảm không hợp nhau kéo dài, gia đình lục đục không thể giải quyết được, xung đột gia đình xảy ra không thể

hàn gắn được, không có tiếng nói chung, không đồng quan điểm sống, do không hợp tính tình, lối sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau, không sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu T, sinh ngày 30/01/2018. Khi ly hôn bà D yêu cầu nuôi cháu T, sinh ngày 30/01/2018 cho đến ngày con chung thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo bị đơn ông T:

- Ông T không trình bày ý kiến gì nộp cho Toà án.

* Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, xử cho bà D với ông T ly hôn.

Về con chung: Giao bà D nuôi con chung cháu T, sinh ngày 30/01/2018 cho đến ngày con chung thành niên. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" giữa nguyên đơn bà D và bị đơn ông T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà D và ông T là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán. Ông bà đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 18/5/2020. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó đến năm 2023 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không chịu lao động, xúc phạm bà mặc dù bà đã bỏ qua nhiều lần nhưng vẫn tái diễn. Vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ, không thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, không lo kinh tế gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau và không có trách nhiệm đối với nhau. Bà đã đưa các con về nhà bố mẹ bà sinh sống, không sống chung với ông T và ông T cũng không quan tâm đến các con. Đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2023 đến nay.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho ông T. Toà án tiến hành tống đạt kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T. Tiến hành tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết Tòa án triệu tập ông T để hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện ông T không có thiện chí níu kéo cuộc hôn nhân giữa ông T và bà D. Xét thấy, hôn nhân giữa bà D và ông T tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D được ly hôn với ông T là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông T và bà D có 01 con chung cháu T, sinh ngày 30/01/2018 đang ở với bà D, do bà D chăm sóc nuôi dưỡng. Nguyễn vọng của cháu Tiên được ở với bà D. Cháu Tiên được chăm sóc, học hành, phát triển bình thường nên cần giao cháu Tiên, sinh ngày 30/01/2018 cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản D và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, xử bà D với ông T ly hôn.

- Về con chung: Giao bà D nuôi con chung cháu T, sinh ngày 30/01/2018 cho đến Ngày con chung thành niên.

Về cấp dưỡng: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Buộc bà D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà D đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000249 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà D có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (đăng ký kết hôn số 21/2020, ngày 18/5/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vũ